

**THÔNG BÁO**  
**Lệ phí và lịch thi ACCA tháng 9/2025**

Căn cứ QĐ số 7595/QĐ-ĐHBK ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Đại học Bách khoa Hà Nội về việc áp dụng lệ phí thi các môn học và các khoản phí liên quan trong chương trình đào tạo chứng chỉ quốc tế ACCA từ tháng 7/2025;

Trung tâm Đào tạo liên tục (ĐTLT) thông báo tới học viên về lệ phí và lịch thi ACCA tháng 9/2025 như sau:

**1. Lịch thi ACCA kỳ tháng 9/2025:**

| <b>Thứ 6<br/>26/9/2025</b>             | <b>Thứ 2<br/>29/9/2025</b>       | <b>Thứ 3<br/>30/9/2025</b>                  |
|----------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------------|
| Recording Financial Transactions (FA1) | Management Information (MA1)     | Management Accounting (MA)                  |
| Maintaining Financial Records (FA2)    | Managing Costs and Finance (MA2) | Financial Accounting (FA)                   |
| Business and Technology (FBT)          | Management Accounting (FMA)      | Corporate & Business Law - ENG and GLO (LW) |
| Financial Accounting (FFA)             | Business and Technology (BT)     |                                             |

**2. Lệ phí thi ACCA tháng 9/2025:**

**2.1. Kỳ hạn đóng lệ phí thi**

- Hạn cuối cùng đóng phí thi là **trước 12h00 ngày 22/9/2025**. Nếu đóng trễ thời gian này, học viên sẽ không được tham gia thi.
- Hình thức đóng phí: Học viên chuyển khoản qua QR code được gửi qua email đã đăng ký.

**2.2. Lệ phí thi ACCA**

Lưu ý: Tỷ giá tham chiếu 1 GBP = 36.281,88 VNĐ của Vietcombank ngày 07/7/2025 (tỷ giá làm tròn 1 GBP = 37.000 VNĐ)

| STT | Tên môn học/khoản phí<br>(tiếng Anh)   | Tên môn học/ khoản phí<br>(tiếng Việt) | Mức phí     |             | Thành tiền (VNĐ) |             |
|-----|----------------------------------------|----------------------------------------|-------------|-------------|------------------|-------------|
|     |                                        |                                        | Đối tượng 1 | Đối tượng 2 | Đối tượng 1      | Đối tượng 2 |
| 1   | Recording Financial Transactions (FA1) | Ghi chép các giao dịch tài chính       | 71.3        | 80.6        | 2.638.100        | 2.982.200   |
| 2   | Management Information (MA1)           | Thông tin quản lý                      | 71.3        | 80.6        | 2.638.100        | 2.982.200   |
| 3   | Maintaining Financial Records (FA2)    | Duy trì hồ sơ tài chính                | 71.3        | 80.6        | 2.638.100        | 2.982.200   |
| 4   | Managing Costs and Finance (MA2)       | Quản trị chi phí và tài chính          | 71.3        | 80.6        | 2.638.100        | 2.982.200   |
| 5   | Business and Technology (FBT)          | Kinh doanh và công nghệ                | 104.7       | 118.3       | 3.873.900        | 4.377.100   |
| 6   | Management Accounting (FMA)            | Kế toán quản trị                       | 104.7       | 118.3       | 3.873.900        | 4.377.100   |

| STT | Tên môn học/khoản phí<br>(tiếng Anh)              | Tên môn học/ khoản<br>phí<br>(tiếng Việt)          | Mức phí        |                | Thành tiền (VNĐ) |                |
|-----|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------|----------------|------------------|----------------|
|     |                                                   |                                                    | Đối<br>tượng 1 | Đối<br>tượng 2 | Đối<br>tượng 1   | Đối<br>tượng 2 |
| 7   | Financial Accounting<br>(FFA)                     | Kế toán tài chính                                  | 104.7          | 118.3          | 3.873.900        | 4.377.100      |
| 8   | Business and Technology<br>(BT)                   | Kinh doanh và công<br>nghệ                         | 104.7          | 118.3          | 3.873.900        | 4.377.100      |
| 9   | Management Accounting<br>(MA)                     | Kế toán quản trị                                   | 104.7          | 118.3          | 3.873.900        | 4.377.100      |
| 10  | Financial Accounting<br>(FA)                      | Kế toán tài chính                                  | 104.7          | 118.3          | 3.873.900        | 4.377.100      |
| 11  | Corporate & Business<br>Law - ENG and GLO<br>(LW) | Luật doanh nghiệp và<br>kinh doanh - ENG và<br>GLO | 128.8          | 145.6          | 4.765.600        | 5.387.200      |
| 12  | IR                                                | Phí đăng ký mở tài<br>khoản                        | 21.05          | 26             | 778.850          | 962.000        |
| 13  | Subscription                                      | Phí thường niên                                    | 21.05          | 26             | 778.850          | 962.000        |

**Ghi chú:**

- Đối tượng 1: Sinh viên đang theo học chương trình đào tạo chứng chỉ quốc tế ACCA do ĐHBK Hà Nội tổ chức được hỗ trợ chi phí phòng thi, máy thi, công tác tổ chức và quản lý kỳ thi
- Đối tượng 2: Các đối tượng khác
- Học viên đã có tài khoản ACCA không cần mở tài khoản mới

**3. Hình thức thi ACCA tháng 9/2025**

- Học viên thi trực tiếp tại phòng máy tính tiêu chuẩn quốc tế của Đại học Bách khoa Hà Nội - một trong các cơ sở uy tín được ACCA ủy quyền tổ chức kỳ thi trên máy tính theo quy định của ACCA (CBE - Computer Based Exam).

- Quá trình làm bài thi sẽ được giám sát bởi các giám thị. Đồng thời, ACCA cũng trang bị hệ thống kiểm tra kỹ lưỡng để đảm bảo kỳ thi được diễn ra nghiêm ngặt, công bằng, minh bạch, đảm bảo bảo mật và toàn vẹn.

**4. Đăng ký thi:**

Học viên đăng ký thi: [TAI ĐÂY](#) hoặc quét mã QR



Mọi thắc mắc học viên liên hệ: CV Trần Thị Phương Dung; SĐT: 0938.888.323;  
E-mail: [dung.tranthiphuong@hust.edu.vn](mailto:dung.tranthiphuong@hust.edu.vn) để được giải đáp.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Học viên có nhu cầu tham dự kỳ thi ACCA;
- Các Tổ chuyên môn;
- Lưu: VT, ĐTLT.

**GIÁM ĐỐC**

**PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng**

